

Số: 24/TB-LS

Hà Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2009

## THÔNG BÁO LIÊN SỞ

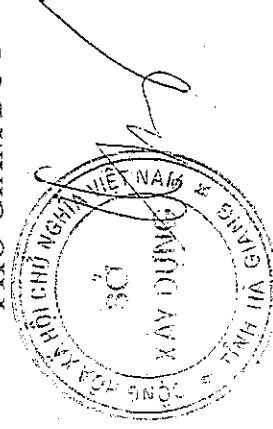
Mức giá một số vật tư, VLXD quý I năm 2009 tại địa bàn  
Huyện lỵ huyện Bắc Quang - Tỉnh Hà Giang

- Căn cứ quyết định số: 3410/QĐ-UB ngày 9/11/2004 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Ban hành “Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Giang”.
- Căn cứ Thông tư số 38/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 26/4/2004 của Liên Tịch Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn việc thông báo và kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và biên bản họp triển khai thực hiện thông tư số 38/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 26/4/2004 giữa Liên Sở Tài chính - Xây dựng lập ngày 28/6/2004.
- Căn cứ Biên bản khảo sát giá vật tư, VLXD trên địa bàn thị xã Hà Giang quý I năm 2009 giữa Sở Tài chính, Sở Xây dựng và giá vật tư, VLXD tại thị trường huyện Bắc Quang.

## LIÊN SỞ TÀI CHÍNH - XÂY DỰNG TỈNH HÀ GIANG THÔNG BÁO

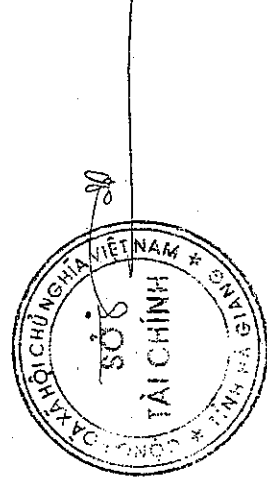
- 1/ Mức giá một số vật tư, VLXD tại địa bàn huyện Bắc Quang làm căn cứ cho việc thanh quyết toán khối lượng công tác xây lắp hoàn thành thực hiện trong quý I năm 2009 như phụ lục kèm theo thông báo này.
- 2/ Mức giá trên là mức giá tối đa để tính vào chi phí vật liệu trong giá thành xây dựng cơ bản (đã trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào). Trường hợp các đơn vị thi công mua với giá gốc và chi phí vận chuyển thấp hơn thì tính theo giá thực tế của đơn vị.
- 3/ Đối với những vật tư, VLXD không có trong thông báo giá trên, thì chủ đầu tư và các tổ chức xây lắp căn cứ vào các chứng từ, hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính và phù hợp với mặt bằng giá tại thời điểm, trình liên sở Tài chính - Xây dựng trước khi duyệt quyết toán./.

KT. GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Đặng Văn Dung*

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Lê Thị Biết*

PHỤ LỤC: MỨC GIÁ MỘT SỐ VẬT TƯ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG QUÝ I NĂM 2009

TẠI ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC QUANG

(Kèm theo thông báo liên sở số: 71 TB/S ngày 7 tháng 5 năm 2009)

Đơn vị tính: Đồng



| STT   | LOẠI VẬT TƯ, VẬT LIỆU                          | ĐVT            | GIÁ GỐC   | GIÁ ĐẾN HTXL<br>(Cự ly v/c 5km) |
|---|--|----------------|-----------|---------------------------------|
| <b>Vật liệu tại địa phương:</b>             |  |                |           |                                 |
| 1   | Đá hộc   | m <sup>3</sup> | 55.000    | 95.000                          |
| 2   | Đá dăm 0,5 x 1                                 | m <sup>3</sup> | 130.000   | 170.000                         |
| 3   | Đá dăm 1 x 2                                   | m <sup>3</sup> | 110.000   | 150.000                         |
| 4   | Đá dăm 2 x 4                                   | m <sup>3</sup> | 110.000   | 150.000                         |
| 5   | Đá dăm 4 x 6                                   | m <sup>3</sup> | 94.000    | 134.000                         |
| 6   | Đá dăm 6 x 8                                   | m <sup>3</sup> | 70.000    | 110.000                         |
| 7   | Cát đen  | m <sup>3</sup> | 25.000    | 59.000                          |
| 8   | Cát vàng                                       | m <sup>3</sup> | 25.000    | 65.000                          |
| 9   | Xi măng Hà giang                               | tấn            | 790.909   | 834.909                         |
| 10  | Xi măng Hải Phòng PC30                         | tấn            | 981.818   | 1.025.818                       |
| 11  | Thép các loại                                  |                |           |                                 |
| <i>Thực hiện trong tháng 1 + 2 năm 2009</i> |  |                |           |                                 |
| 12  | Thép tròn Φ 6, Φ8 Tisco Thái nguyên            | kg             | 11.905    | 11.972                          |
| 13  | Thép gai CT5, SD295A Φ10-Φ12 Tisco Thái nguyên | kg             | 11.905    | 11.977                          |
| 14  | Thép gai CT5, SD295A Φ13-Φ18 Tisco Thái nguyên | kg             | 11.905    | 11.977                          |
| 15  | Thép gai CT5, SD295A > Φ18 Tisco Thái nguyên   | kg             | 11.905    | 11.977                          |
| <i>Thực hiện trong tháng 3 năm 2009</i>     |  |                |           |                                 |
| 12  | Thép tròn Φ 6, Φ8 Tisco Thái nguyên            | kg             | 10.952    | 11.019                          |
| 13  | Thép gai CT5, SD295A Φ10-Φ12 Tisco Thái nguyên | kg             | 10.952    | 11.024                          |
| 14  | Thép gai CT5, SD295A Φ13-Φ18 Tisco Thái nguyên | kg             | 10.952    | 11.024                          |
| 15  | Thép gai CT5, SD295A > Φ18 Tisco Thái nguyên   | kg             | 10.952    | 11.024                          |
| 16  | Thép 1 ly                                      | kg             | 15.238    | 15.305                          |
| 17  | Gạch tuynel 2 lỗ A1 tiêu chuẩn C ty Hoàng gia  |                |           |                                 |
|   | - Từ ngày 1/1 /2009 đến ngày 10/3/2009         | viên           | 900       | 1.044                           |
|   | - Từ ngày 11/3/2009                            | viên           | 727       | 871                             |
| 18  | Gạch chỉ thủ công (Tuyên quang)                | viên           | 550       | 580                             |
| 19  | Gỗ xà gồ nhóm V (KT: 8x12cm) dài 3m            | m <sup>3</sup> | 2.000.000 | 2.022.000                       |
| 20  | Gỗ xà gồ nhóm V (KT: 8x 12cm) dài 3,5m         | m <sup>3</sup> | 2.000.000 | 2.022.000                       |
| 21  | Gỗ ly tô nhóm V                                | m <sup>3</sup> | 1.500.000 | 1.522.000                       |
| 22  | Gỗ cốp pha nhóm VI-VII dày 0,025               | m <sup>3</sup> | 1.500.000 | 1.519.000                       |

UBND TỈNH HÀ GIANG  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /SXD-KTKH

Hà Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2009

## HƯỚNG DẪN

### Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Căn cứ Quyết định số 1351/UB-QĐ ngày 13/5/2004 của UBND tỉnh Hà Giang V/v quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Xây dựng Hà Giang;

Căn cứ Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT-BXD ngày 15/4/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

Sở Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình như sau:

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hướng dẫn này áp dụng cho việc điều chỉnh dự toán các công trình lập theo đơn giá xây dựng ban hành theo Quyết định số 1728 /QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành đơn giá dự toán xây dựng công trình tỉnh Hà Giang - Phần xây dựng; Phần lắp đặt; Quyết định số 1729 /QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hà Giang - Phần khảo sát xây dựng; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành bảng giá ca máy và thiết bị thi công tỉnh Hà Giang;
2. Các công trình đã lập đơn giá riêng hoặc bảng giá ca máy công trình với mức tiền lương tối thiểu đã được Người có thẩm quyền ban hành, căn cứ nguyên tắc, phương pháp của hướng dẫn tại thông tư số 05/2009/TT-BXD để thực hiện điều chỉnh theo mức lương tối thiểu vùng mới;
3. Việc điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện từ 01/01/2009 theo hợp đồng và các điều kiện đã thỏa thuận ký kết trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng các bên đã thỏa thuận không điều chỉnh giá trong suốt

quá trình thực hiện, Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng có thể thương thảo bổ sung hợp đồng để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

## **II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Dự toán xây dựng công trình được lập theo các bộ đơn giá xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà giang về việc ban hành đơn giá dự toán xây dựng công trình tỉnh Hà Giang - Phần xây dựng; Phần lắp đặt; Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND Tỉnh Hà giang về việc ban hành đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hà giang - Phần khảo sát xây dựng; Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành bảng giá ca máy và thiết bị thi công tỉnh Hà Giang. Được điều chỉnh như sau:

### **1. Điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng.**

#### **1.1. Điều chỉnh chi phí nhân công**

Chi phí nhân công được tính theo đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng; phần lắp đặt ban hành kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà giang, được nhân với hệ số điều chỉnh tương ứng ( $K_{ĐCNC}$ ) theo bảng số 1 phụ lục I của hướng dẫn này.

#### **1.2. Điều chỉnh chi phí máy thi công**

Chi phí máy thi công tính theo đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng; phần lắp đặt ban hành kèm theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà giang, được nhân với hệ số điều chỉnh tương ứng ( $K_{MTC}$ ) quy định tại bảng số 2 phụ lục I của hướng dẫn này.

Hệ số quy định tại (bảng số 2 phụ lục I) không áp dụng để điều chỉnh chi phí máy thi công trong dự toán xác định theo giá ca máy được cấp có thẩm quyền ban hành riêng.

#### **1.3. Điều chỉnh dự toán khảo sát xây dựng**

Chi phí nhân công trong dự toán khảo sát xây dựng lập theo đơn giá ban hành kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND Tỉnh Hà giang về việc ban hành đơn giá xây dựng công trình tỉnh Hà giang - Phần khảo sát xây dựng được nhân với hệ số điều chỉnh ( $K_{ĐC NCKS}$ ) quy định tại bảng số 3 phụ lục I của hướng dẫn này.

1.4. Điều chỉnh chi phí nhân công trong dự toán thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng.

Chi phí nhân công trong dự toán thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng xác định theo Định mức, đơn giá thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 32/2001/QĐ-BXD ngày 20/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng được nhân với hệ số điều chỉnh  $K^{ĐCNCN} = 3,41$ .

1.5. Một số chỉ phí khác tính bằng định mức tỉ lệ (%) trong dự toán xây dựng công trình được tính theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.6. Các khoản mục chi phí tính bằng định mức tỷ lệ (%) trong dự toán chi phí xây dựng bao gồm:

Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng, nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công theo quy định hiện hành.

Các khoản mục chi phí như quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lập dự án và thiết kế công trình xây dựng được tính bằng tỷ lệ (%) theo quy định hiện hành.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Từ ngày 01/01/2009 tất cả các dự án được lập theo đơn giá xây dựng ban hành theo Quyết định số 1728,1729,1730/QĐ-UBND ngày 27/6/2006 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành đơn giá dự toán xây dựng công trình tỉnh Hà Giang <sup>ĐƠN GIÁ CHỈ DẪN</sup> <sup>SỞ</sup> - Phân cấp xây dựng; Phân cấp đất; Phân cấp sát xây dựng; bảng giá ca máy và thiết bị <sup>XÂY DỰNG</sup> thi công; thì được điều chỉnh theo hướng dẫn này.

2. Những dự án công trình xây dựng sau đây được điều chỉnh theo <sup>THI CÔNG</sup> <sup>ĐƠN GIÁ CHỈ DẪN</sup> hướng dẫn này:

- Những công trình, hạng mục công trình chưa được phê duyệt. - công trình hạng mục công trình đã được phê duyệt tổng dự toán, dự toán nhưng chưa hoặc đang tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu, đã hoàn tất kết quả đấu thầu nhưng chưa ký kết hợp đồng.

- Những công trình, hạng mục công trình đang thi công dở dang thì khối lượng xây dựng thực hiện từ 01/01/2009 được áp dụng điều chỉnh dự toán theo hướng dẫn này. Nếu dự toán sau điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư của dự án thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

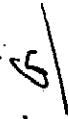
3. Đối với công trình được lập đơn giá riêng (đơn giá xây dựng công trình) chủ đầu tư căn cứ vào chế độ chính sách được nhà nước cho phép áp dụng ở công trình và nguyên tắc điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng theo hướng dẫn tại thông tư số 05/2009/TT-BXD xác định mức điều chỉnh chi phí

nhân công, máy thi công và các khoản chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình.

4. Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo nghị định 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình do chủ đầu tư quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề chưa phù hợp cần điều chỉnh bổ sung đề nghị các ngành phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng;
- TT: UBND tỉnh;
- Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành;
- Chủ tịch UBND các huyện, Thị xã;
- Giám đốc; các PGD Sở;
- Phòng Công Thương các huyện, phòng quản lý đô thị Thị xã;
- Các phòng, TT, thuộc VP Sở;
- Lưu VT-KTKH. 

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Thị Minh**

**Phụ lục I**

(Kèm theo hướng dẫn số: 149 /SXD-KT ngày 01/16/2009 của Sở Xây dựng)

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ NHÂN CÔNG**

**Bảng 1**

| Khu vực        | 40%   | 50%   | 70%   |
|----------------|-------|-------|-------|
| Nhóm công việc |       |       |       |
| Nhóm I         | 1,857 | 1,906 | 2,005 |
| Nhóm II        | 1,953 | 2,003 | 2,101 |
| Nhóm III       | 2,124 | 2,174 | 2,272 |

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ MÁY THI CÔNG**

**Bảng 2**

| Khu vực         | 40%   | 50%   | 70%   |
|-----------------|-------|-------|-------|
| Nhóm công việc  |       |       |       |
| Nhóm I, II, III | 1,237 | 1,240 | 1,246 |

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH NHÂN CÔNG KHẢO SÁT XÂY DỰNG**

**Bảng 3**

| Khu vực        | 40%   | 50%   | 70%   |
|----------------|-------|-------|-------|
| Nhóm công việc |       |       |       |
| Nhóm II        | 1,857 | 1,900 | 1,985 |

Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công trong đơn giá khảo sát áp dụng bảng số 2 trên.

Giá nhiên liệu tính tại thời điểm tháng 01 năm 2009

**Ghi chú:**

Phụ cấp khu vực áp dụng theo thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT - BNV - BLĐTBXH-BTC - UBND ngày 05/01/2005 của Bộ nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy Ban dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

- Khu vực 40% gồm: Thị xã Hà Giang;
- Khu vực 50% gồm: Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang, Bắc Mê, Quang Bình, các xã Phương Độ, Phương Thiện của Thị xã Hà Giang.
- Khu vực 70% gồm: Huyện Đồng văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Hoàng Su phì, Xín Mần, các xã Lao Chải; Xín Chải; Thanh Đức; Thanh Thủy; Minh Tân của huyện Vị Xuyên.